TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 179/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 768/2020/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: 404/4 đường P, Tổ S, khu phố A, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Thái M, sinh năm 1991

Địa chỉ thường trú: 84 Đường A , Tổ M, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thái M và bà Nguyễn Thị Kim N được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Kim N hiện nay đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, nên đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

và Khoản 2 Điều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thái M qua thời gian tìm hiểu 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 58 do UBND phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/08/2017).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vả. Hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau và cũng đã ly thân từ tháng 08 năm 2020 cho đến nay. Cả hai xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thái M có 01 con chung, họ và tên là Nguyễn Ngọc N (Nữ), sinh ngày 01/07/2018;

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thái M thoả thuận sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim N sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Nguyễn Thái M cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 (Năm triệu) đồng/1 tháng.

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/4/2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Thái M được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thái M chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Xét việc thỏa thuận nuôi và cấp dưỡng con chung của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thái M thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 58 do UBND phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/08/2017 không còn giá trị pháp lý).

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thái M có 01 con chung, họ và tên là Nguyễn Ngọc N (Nữ), sinh ngày 01/07/2018;

Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thái M cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 (Năm triệu) đồng/1 tháng.

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/4/2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Nguyễn Thái M được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Nguyễn Thái M chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định là không có.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0041944 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK. Xuân Duyên).

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đống dấu)

Đào Lê Anh